

BÀN VỀ TĂNG CƯỜNG CÔNG TÁC ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG CÁN BỘ THÔNG TIN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ Ở NƯỚC TA

Ths. Nguyễn Tiến Đức
Trung tâm Thông tin KHCN Quốc gia

Hệ thống hoá các cơ sở pháp lý cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ thông tin KHCN. Nêu các kết quả và tồn tại, đề xuất các vấn đề cần giải quyết để tiếp tục phát triển nguồn nhân lực TT-TV ở nước ta.

I. Mở đầu

Cũng như các lĩnh vực khác, trong hoạt động thông tin KHCN, vai trò của công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ có ý nghĩa hết sức quan trọng. Bởi lẽ, nhân lực- cán bộ thông tin KHCN là một trong các yếu tố cấu thành của Hệ thống thông tin KHCN quốc gia. Nhân lực chính là nguồn động lực để tổ chức, triển khai và thúc đẩy sự nghiệp phát triển Hệ thống nói chung và của mỗi tổ chức thông tin KHCN nói riêng.

II. Khung khổ pháp lý

Trong suốt quá trình phát triển, hoạt động thông tin KHCN ở nước ta luôn được Đảng và Nhà nước quan tâm chỉ đạo, trong đó công tác đào tạo, bồi dưỡng và sử dụng cán bộ thông tin KHCN được đề cập khá nhiều. Cho đến nay, Nhà nước đã ban hành nhiều văn bản quy phạm pháp luật thể hiện rõ sự quan tâm này, đó là:

Nghị quyết 89-CP ngày 4/5/1972 của Chính phủ về

việc tăng cường công tác thông tin KHKT. Nghị quyết này đã mở đầu cho sự hình thành và phát triển hệ thống thông tin KHCN rộng khắp trong cả nước. Ngay trong Nghị quyết 89-CP đã có riêng một mục "*Xây dựng đội ngũ cán bộ làm công tác thông tin KHKT*" (Mục 2 Phần B).

Để triển khai Nghị quyết 89-CP, *Thông tư số 755/* về vấn đề đào tạo cán bộ có nêu "*Bộ Đại học và Trung học Chuyên nghiệp sẽ có kế hoạch bồi dưỡng cho cán bộ giảng dạy và học sinh các trường đại học những hiểu biết cần thiết về thông tin KHKT, tạo điều kiện cho họ tham gia làm công tác thông tin KHKT. Viện Thông tin KHKT Trung ương có nhiệm vụ phối hợp về nội dung bồi dưỡng*".

Quy định thống nhất về tổ chức và hoạt động thông tin KHKT ban hành kèm theo Quyết định 133/QĐ ngày 2/4/1985 của Chủ nhiệm Ủy ban KHKT Nhà nước (nay là

Bộ trưởng Bộ KHCN) là một văn bản khá đầy đủ về mặt tổ chức Hệ thống các cơ quan thông tin KHKT. Tại văn bản này, Ủy ban KHKT Nhà nước giao cho tất cả các tổ chức thông tin KHKT các cấp từ Trung ương đến bộ, ngành, địa phương và cơ sở đều phải có nhiệm vụ "*hướng dẫn nghiệp vụ thông tin, tổ chức đào tạo và bồi dưỡng nghiệp vụ cho cán bộ thông tin*".

Chỉ thị 95/CT ngày 04/04/1991 của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng (nay là Thủ tướng Chính phủ) về công tác thông tin KHCN tiếp tục nhấn mạnh về công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ thông tin KHCN "*Để nhanh chóng xây dựng đội ngũ cán bộ thông tin KHCN có trình độ cao, Bộ Giáo dục và Đào tạo phối hợp với Ủy ban Khoa học Nhà nước và các cơ quan khác liên quan xây dựng kế hoạch đào tạo kỹ sư thông tin KHCN và đào tạo cán bộ trên đại học cho ngành này. Trước mắt, giao cho Ủy ban Khoa học Nhà nước tổ chức*

các lớp tập huấn để nâng cao trình độ nghiệp vụ cho cán bộ thông tin KHCN hiện đang công tác tại các ngành, các địa phương. Các ngành, các cấp cần chọn, cử những cán bộ khoa học có kinh nghiệm và thông thạo ngoại ngữ bổ sung cho các cơ quan thông tin KHCN còn yếu kém của ngành mình, cấp mình”

Luật Khoa học và Công nghệ, được Quốc hội Khoá X, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 9/06/2000, trong đó có 2 Điều riêng về hoạt động thông tin KHCN (Điều 25 và Điều 45). Đây là một bước tiến cực kỳ quan trọng trong phát triển khung khổ pháp lý của hoạt động thông tin KHCN. Lần đầu tiên, hoạt động này được điều chỉnh bằng Luật và nêu rõ mục tiêu *Chính phủ đầu tư xây dựng hệ thống thông tin KHCN quốc gia hiện đại*; với các chính sách, biện pháp: tăng cường vai trò quản lý Nhà nước; hoạt động thông tin KHCN được hưởng ưu tiên trong chính sách thuế của Nhà nước; Khẳng định đầu tư cho thông tin là đầu tư cho phát triển và thông tin KHCN là một nội dung cơ bản của quản lý nhà nước về KHCN.

Việc ban hành *Thông tư liên tịch số 15/2003/TTLT-BKH&CN-BNV* của Bộ KHCN và Bộ Nội vụ ngày 15/7/2003 là một mốc quan trọng đối với hoạt động thông tin KHCN ở địa phương. Trong Thông tư quy định trong cơ cấu Sở KHCN tỉnh và thành phố trực thuộc Trung ương có Trung tâm Tin

học và Thông tin KHCN. Để hướng dẫn cụ thể Thông tư, ngày 7/4/2004, Bộ Khoa học và Công nghệ đã có Công văn số 760/BKHCN-TCCB và kèm theo là Điều lệ mẫu của Trung tâm Tin học và Thông tin KHCN, trong đó giao 8 nhiệm vụ chủ yếu với nhiệm vụ thứ 4 là *“Chỉ đạo việc đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ về thông tin KHCN”*. Đồng thời Tại Khoản 3, Điều 2, Điều lệ mẫu cũng nêu nhiệm vụ thứ 3 của Trung tâm này là *“Nghiên cứu, đề xuất với Giám đốc Sở KHCN về nội dung, chương trình, biện pháp thực hiện việc đào tạo, bồi dưỡng, phát huy và sử dụng hợp lý nguồn nhân lực thực hiện công tác tin học và thông tin KHCN của địa phương”*.

Nghị định số 159/2004/NĐ-CP ngày 31/8/2004 của Chính phủ về hoạt động thông tin KHCN. Đây là Nghị định đầu tiên về lĩnh vực này và nhằm hướng dẫn Điều 25, Điều 45 của Luật KHCN, trong đó đã cụ thể hoá vai trò của Nhà nước trong việc xây dựng và phát triển Hệ thống thông tin KHCN Quốc gia hiện đại. Về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, trong Nghị định số 159/2004/NĐ-CP tiếp tục nhấn mạnh:

- Tại nội dung thứ 7, Điều 3. Nội dung hoạt động (của tất cả các tổ chức thông tin KHCN) ghi rõ nhiệm vụ *“Hướng dẫn, đào tạo và bồi dưỡng nghiệp vụ về thông tin KHCN”*.

- Tại Điểm h, Khoản 1, Điều 29. Thẩm quyền và trách nhiệm của Bộ Khoa học và Công nghệ cũng nêu *“Chỉ đạo, quản lý tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ, viên chức hoạt động thông tin KHCN”*

- Tại Khoản 3, Điều 30. Thẩm quyền và trách nhiệm của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ cũng nêu trách nhiệm liên Bộ phối hợp xây dựng kế hoạch đào tạo là *“Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư xây dựng kế hoạch đào tạo cán bộ thông tin KHCN cấp đại học và sau đại học”*.

Để triển khai Nghị định 159/2004/NĐ-CP, Bộ KHCN đang chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan xây dựng những văn bản hướng dẫn cụ thể. Trước hết phải kể tới Thông tư liên tịch BKHCN-BNV hướng dẫn nhiệm vụ, quyền hạn và mối quan hệ của các tổ chức dịch vụ thông tin KHCN công lập. Trong đó, tại tất cả các khoản, mục quy định nhiệm vụ của các tổ chức thông tin KHCN công lập các cấp đều có nhiệm vụ *“phối hợp và thực hiện việc hướng dẫn, bồi dưỡng chuyên môn và nghiệp vụ cho cán bộ thông tin KHCN và người dùng tin”* trong phạm vi của mình. Đến nay, Thông tư Liên tịch này đã biên soạn xong và đang làm thủ tục trình Lãnh đạo Bộ KHCN và Bộ Nội vụ để phê duyệt, ban hành.

Những vấn đề nêu trên đã tạo ra khung khổ pháp lý cơ bản trong thời gian 4 thập kỷ qua, đảm bảo cho hoạt động thông tin KHCN phát triển nói chung và cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ thông tin KHCN nói riêng. Vấn đề đặt ra ở đây đối với các cơ quan quản lý KHCN, cơ quan chủ quản của các cơ quan thông tin KHCN và bản thân mỗi cơ quan thông tin KHCN, nhất là những cơ quan đầu mối ở mỗi cấp là tiếp tục quán triệt những chỉ đạo đó và cụ thể hoá chúng bằng các giải pháp khả thi, thực hiện cho được những điều đã nêu ra trong các văn bản về mặt chiến lược, chính sách, kế hoạch, lộ trình,... Có như vậy, những nội dung đó mới đi được vào cuộc sống và mang lại hiệu quả nhanh hơn, nhiều hơn cho hoạt động thông tin KHCN nói riêng, cho xã hội nói chung.

III. Một số ý kiến về công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ thông tin KHCN ở Việt Nam

3.1. Khái quát kết quả hoạt động thông tin KHCN

Hoạt động thông tin KHCN ở nước ta đã trải qua quá trình 46 năm phát triển liên tục cả về lượng và chất. Hội nghị Ngành Thông tin KHCN lần thứ V (Hà Nội - 11/2005) đã đánh giá khá đầy đủ về những kết quả đạt được của ngành cũng như những tồn tại cần tiếp tục khắc phục (Xem 10). Ở đây chỉ xin nêu lại vài điểm, mà theo chúng tôi, là những kết

quả nổi bật - những tiền đề thuận lợi để hoạt động thông tin KHCN phát triển mạnh mẽ hơn trong giai đoạn từ nay đến 2010 và xa hơn là 2020. Những kết quả đó là:

- *Đã tạo lập được Hệ thống thông tin KHCN quốc gia rộng khắp với hơn 500 cơ quan thông tin KHCN hoạt động ở 4 cấp: Trung ương, Bộ/ngành, địa phương và cơ sở. Số lượng sản phẩm mà Hệ thống đưa ra phục vụ cũng khá đồ sộ: 300 ấn phẩm thông tin định kỳ, trên 300 cơ sở dữ liệu nội sinh, trong đó có nhiều CSDL đặc biệt có giá trị như các CSDL về kết quả nghiên cứu, về tài liệu điều tra cơ bản, về tổ chức, chuyên gia tư vấn, về công nghệ thiết bị,....*

- *Trình độ công nghệ của nhiều tổ chức thông tin KHCN trong Hệ thống đã được phát triển và nâng cao một bước. Nhiều tổ chức thông tin KHCN đã áp dụng những CNTT và truyền thông tiên tiến, những trang thiết bị hiện đại, trên cơ sở đó đã tạo ra những sản phẩm và phương tiện phục vụ tiện ích như bản tin điện tử, ấn phẩm điện tử, thư viện điện tử, cổng giao tiếp điện tử,...; áp dụng các phương thức phục vụ hiện đại như: kho mở, mã vạch, cổng từ; cung cấp dịch vụ khai thác qua mạng, phòng đọc đa phương tiện, trao đổi liên thư viện,.... Những sản phẩm và phương thức này đã được xã hội đánh giá là bước tiến nhảy vọt của*

hoạt động thông tin KHCN trong thời gian gần đây.

- *Đã hình thành được nhiều mạng thông tin KHCN phục vụ hiệu quả cho quản lý, kinh doanh, nghiên cứu và phát triển, nâng cao dân trí: Đến nay, hầu hết các cơ quan thông tin KHCN ở trung ương, Bộ/ngành và ở những thành phố lớn đều đã xây dựng Website về KHCN; ở một số cơ quan thông tin trung ương, Bộ/ngành, trường đại học đã xây dựng Thư viện điện tử. Đặc biệt, trong phạm vi toàn Hệ thống thông tin KHCN Quốc gia đã có nhiều mạng thông tin điện tử với nguồn tin phong phú, đáp ứng tốt yêu cầu tin của người dùng tin như: Mạng VISTA, Chợ ảo về Công nghệ và Thiết bị; Mạng thông tin nông nghiệp, nông thôn AGROViet, Mạng thông tin y Dược Việt Nam (CIMIC.VN); Mạng Thông tin Thương mại VITRANET,....*

- *Đã xây dựng được đội ngũ cán bộ thông tin bước đầu mang tính chuyên nghiệp. Tính đến nay, trong toàn Hệ thống có trên 5000 người, trong đó khoảng 65% cán bộ có trình độ đại học và 4% trên đại học chuyên ngành TT-TV. Đội ngũ này thường xuyên được bồi dưỡng, đào tạo qua các lớp tập huấn nghiệp vụ thông tin ngắn hạn trong và ngoài nước.*

Hợp tác quốc tế được mở rộng: Hiện tại, các cơ quan thông tin KHCN công lập nước ta đã thiết lập được mối quan hệ hợp tác nhiều mặt với

nhiều tổ chức quốc tế của Liên Hiệp quốc, khu vực châu Á - Thái Bình Dương, Khối ASEAN, trong đó đặc biệt là hợp tác ngày càng có hiệu quả với UNESCO, IFLA, APCCT, ICSTI, SIDA/SAREC; đồng thời có quan hệ song phương với hàng chục nước khác, như: Pháp, Nhật Bản, Nga, Ấn Độ, Hàn Quốc, Đài Loan, Úc, New Zealand và gần đây cả Hoa Kỳ,...; có quan hệ trao đổi tư liệu với hơn 300 thư viện của hơn 100 nước. Đây là điều kiện rất thuận lợi để phát triển nguồn tin, khai thác thông tin cũng như tăng cường bồi dưỡng trình độ cho cán bộ thông tin KHCN của Việt Nam.

3.2. Những điều đã làm được và điều chưa làm được trong công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ thông tin KHCN

Căn cứ những nội dung chỉ đạo của Nhà nước được nêu trong các văn bản quy phạm pháp luật về vấn đề đào tạo, bồi dưỡng và sử dụng cán bộ thông tin KHCN (như nêu ở phần trên), chúng ta thử kiểm chứng với thực tiễn để thấy những điều đã làm được và những điều chưa làm được cần tiếp tục phấn đấu. Ở đây chỉ xin đề cập vấn đề tổng thể, bao trùm nhất.

a. Những điều đã làm được:

- Thành tích nổi bật nhất là việc *tổ chức đào tạo nguồn nhân lực cho toàn hệ thống*. Cụ thể là đào tạo ở bậc đại học và sau đại học. Đây là

hướng được triển khai khá kịp thời, nhờ sự nỗ lực của Bộ Giáo dục và Đào tạo cũng như của một số trường và sự phát triển của việc xã hội hóa công tác đào tạo. Tính đến nay, ở nước ta đã có 6 trường đại học đào tạo bậc đại học, đó là: Đại học Văn hóa Hà Nội, Đại học KHXH&NV (ĐH Quốc gia Hà Nội), Đại học KHXH&NV (ĐH Quốc gia TP Hồ Chí Minh), Đại học Dân lập Đông Đô, Đại học Văn hóa Nghệ thuật Quân đội và Đại học Văn hoá TP. Hồ Chí Minh. Số lượng sinh viên tốt nghiệp hàng năm đã đạt tới con số khoảng 350 (chưa kể đào tạo tại chức). Về đào tạo sau đại học (thạc sĩ) đến nay đã có 3 cơ sở đào tạo: Đại học Văn hóa Hà Nội, Đại học KHXH&NV (ĐH Quốc gia Hà Nội), Đại học KHXH&NV (ĐH Quốc gia TP. Hồ Chí Minh) trung bình mỗi năm đào tạo khoảng 50 thạc sĩ. Có thể nói, số người được đào tạo bậc đại học và sau đại học từ các trường nêu trên là nguồn nhân lực quan trọng bổ sung cho các cơ quan thông tin, thư viện ở nước ta trong thời gian qua.

Ngoài ra, cũng phải kể đến việc gửi cán bộ đi đào tạo sau đại học chuyên ngành TT-TV ở nước ngoài: đào tạo tiến sĩ trước đây (chủ yếu là ở Đông Âu, nhiều nhất là Liên Xô cũ) và đào tạo thạc sĩ gần đây (chủ yếu ở Hoa Kỳ, New Zealand). Đến nay, ước tính trong toàn mạng lưới đã đào tạo được trên 20 tiến sĩ và gần

40 thạc sĩ từ các cơ sở đào tạo của nước ngoài. Hầu hết số cán bộ này hiện đang giữ vai trò quan trọng trong công tác quản lý cơ quan thông tin KHCN đồng thời là những cán bộ đầu đàn hướng dẫn nghiệp vụ trong ngành.

- *Bồi dưỡng, tập huấn trong nước nhằm nâng cao nghiệp vụ thường xuyên cho cán bộ thông tin KHCN trong mạng lưới*: Tính trung bình, mỗi năm trong toàn Hệ thống có từ 20-30 lớp tập huấn ngắn hạn và hàng chục hội thảo chuyên đề được tổ chức với số lượt người tham dự lên tới 500-600 - tức là khoảng 10% cán bộ đang công tác trong lĩnh vực thông tin KHCN (ở đây chưa kể các lớp do hệ thống thư viện tổ chức). Đây là một con số rất đáng khích lệ. Phần lớn các cán bộ thông tin KHCN đều đã từng tham gia những lớp, những hội nghị, hội thảo thường kỳ này với mục đích trang bị kiến thức vào nghề hoặc nâng cao trình độ hoặc trao đổi kinh nghiệm phục vụ trực tiếp cho công việc của mình. Những cơ quan đi đầu trong công tác này là Trung tâm Thông tin KHCN Quốc gia, Viện thông tin KHXH - Viện KHXH Việt Nam, Viện thông tin khoa học- Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Trung tâm Thông tin KHCN và Môi trường của Bộ Quốc phòng, Trung tâm Thông tin- Viện KHCN Việt Nam, Viện Thông tin và Thư viện Y học Trung ương - Bộ Y tế, ...

- *Bồi dưỡng, nâng cao trình độ cán bộ thông tin ở nước ngoài qua các lớp ngắn hạn:* Trong một thời gian dài (cho đến 1990) nhiều cơ quan thông tin KHCN nước ta thường xuyên cử cán bộ đi tham quan, khảo sát, thực tập, nâng cao trình độ ở các nước XHCN, đặc biệt là tại Liên Xô, điển hình là tại Viện Nâng cao trình độ cán bộ thông tin Matxcova (IPKIR), VINITI và INION thuộc Viện Hàn lâm Khoa học Liên Xô, Trung tâm Thông tin KHKT Quốc tế (tại Matxcova), ... với thời gian từ một vài tuần cho tới 1 năm. Số lượng cán bộ thông tin KHCN nước ta được bồi dưỡng trong diện này là khá lớn, có thể tới vài trăm lượt người. Đây là kênh quan trọng trong việc nâng cao trình độ cho cán bộ thông tin KHCN nước ta trong một thời gian dài và cũng là hướng khuyến khích họ hăng say làm việc, gắn bó với nghề nghiệp và phấn đấu về mặt chuyên môn.

b. Những điều chưa làm được:

- Chưa có được *Kế hoạch đào tạo cán bộ thông tin KHCN cấp đại học và sau đại học* một cách chính thức ở tầm quốc gia. Tức là Kế hoạch được xây dựng trên cơ sở nhu cầu của thực tiễn trong từng giai đoạn và được Chính phủ hoặc Liên Bộ: Giáo dục và Đào tạo- Khoa học và Công nghệ- Kế hoạch và Đầu tư cùng phê duyệt và đảm bảo

thực hiện (như trong Nghị quyết 89-CP ngày 4/5/1972, Chỉ thị 95/CT ngày 4/4/1991 và gần đây là Nghị định 159/2004/NĐ-CP ngày 31/8/2004 đều nêu và giao nhiệm vụ rất rõ ràng).

Cũng cần nêu thêm: trong những năm gần đây việc gửi cán bộ đi nghiên cứu, đào tạo tiến sĩ, thạc sĩ hay nâng cao trình độ dài hạn ở nước ngoài cũng gần như không có kế hoạch chủ động từ phía Nhà nước mà chủ yếu đi bằng con đường tài trợ riêng của một số trường nước ngoài hay của các tổ chức quốc tế riêng rẽ (ví dụ, như: Harvard Yenching, The Atlantic Philanthropies, Simmons College..), hoặc lồng ghép trong các dự án tài trợ của nước ngoài,.... Điều này rõ ràng đã làm hạn chế phần nào việc lựa chọn cũng như quy hoạch, khuyến khích cán bộ trong hoạt động thông tin KHCN ở phạm vi vĩ mô.

- Chưa có được *những bộ giáo trình, tài liệu giảng dạy đầy đủ, được cập nhật kịp thời; những cẩm nang tra cứu, hướng dẫn chuyên sâu về thông tin KHCN* cũng còn rất hạn chế.

- Hầu hết các trường đại học, cao đẳng *chưa có chương trình đào tạo người dùng tin tiềm tàng* tức là đào tạo về thông tin KHCN một cách chính thức cho sinh viên- cung cấp cho họ những kiến thức cơ bản nhất về hoạt động thông tin KHCN, về khai thác, sử dụng các nguồn

tin ở mức thiết yếu nhất,....

- Chưa tạo lập được một *đội ngũ đủ mạnh các cán bộ làm công tác bồi dưỡng, hướng dẫn nghiệp vụ thông tin rộng khắp, đáp ứng kịp thời yêu cầu của Hệ thống.* Hiện tại, đội ngũ này đang còn rất thiếu, trình độ còn hạn chế hay biến động và sự phối hợp, hỗ trợ nhau cũng còn nhiều điều bất cập; việc đào tạo, bồi dưỡng thường xuyên cho đội ngũ này chưa được chú trọng thường xuyên.

3.3. Một số vấn đề cần tập trung giải quyết

Trong Chiến lược tăng cường công tác thông tin KHCN phục vụ CNH, HĐH đất nước của Bộ Khoa học và Công nghệ (1998) cũng như trong báo cáo chính trình bày tại Hội nghị ngành thông tin KHCN lần thứ V (Hà Nội - 11/2005) đều đề cập đến những định hướng chính phát triển hoạt động thông tin KHCN trong thời gian tới (Xem 8 và 10). Một trong những định hướng quan trọng đó được nêu ở cả 2 tài liệu là "*Phát triển nguồn nhân lực TT-TV theo hướng năng động, chuyên nghiệp, tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ TT-TV KHCN*". Thiết nghĩ, để thực hiện được hướng này, các Bộ, ngành liên quan cũng như bản thân các cơ quan thông tin KHCN cần nỗ lực rất nhiều. Dưới đây là một vài điểm tiếp tục đề xuất:

a. Đối với việc đào tạo nguồn nhân lực cho mạng lưới: trước hết cần thực hiện cho được một trong những nội dung cốt lõi đã nêu nhiều lần trong các văn bản quy phạm pháp luật là xây dựng cho được Kế hoạch đào tạo cán bộ thông tin KHCN cấp đại học và sau đại học được Chính phủ hoặc Liên Bộ: Giáo dục và Đào tạo- Khoa học và Công nghệ - Kế hoạch và Đầu tư cùng phê duyệt. Đó là Kế hoạch tổng thể kèm theo lộ trình khả thi trong từng giai đoạn (về số lượng đào tạo mỗi cấp, về chương trình, nội dung giáo trình, về đội ngũ giảng viên, về đào tạo cả trong nước và nước ngoài,...). Đặc biệt, phấn đấu để có thể đào tạo bậc tiến sĩ chuyên ngành thông tin KHCN ở trong nước.

Ngoài ra, các cơ quan thông tin KHCN cũng cần tăng cường hơn nữa việc lồng ghép công tác đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ của mình (nhất là đào tạo sau đại học) trong các chương trình, dự án hợp tác quốc tế.

b. Đối với công tác bồi dưỡng, tập huấn cán bộ thông tin KHCN, theo chúng tôi cần tăng cường các biện pháp sau đây:

- Tăng cường hơn nữa vai trò của các cơ quan đầu mối các cấp trong công tác này (đầu mối của cả Hệ thống là Trung tâm Thông tin KHCN Quốc gia; của Bộ/ngành là tổ chức thông tin KHCN trực

thuộc Bộ, ngành; của địa phương là tổ chức thông tin KHCN thuộc Sở KHCN tỉnh, thành phố trực thuộc TW).

- Xây dựng đội ngũ làm công tác đào tạo, bồi dưỡng, hướng dẫn nghiệp vụ đều khắp ở các ngành, các cấp. Đây là đội ngũ nòng cốt làm đầu mối liên kết về công tác nghiệp vụ và tổ chức các lớp nâng cao trình độ, tập huấn trong phạm vi bao quát của cơ quan. Mỗi ngành, địa phương đều nên có cán bộ chuyên trách hoặc kiêm nhiệm làm đầu mối tổ chức bồi dưỡng nghiệp vụ thông tin KHCN trong phạm vi của mình. Đội ngũ này cần được bồi dưỡng, cập nhật kiến thức mới cũng như kinh nghiệm thực tiễn một cách thường xuyên hơn. Đồng thời, mỗi cơ quan thông tin KHCN đều cần chú trọng và đầu tư đúng mức cho công tác này.

- Tăng cường công tác biên soạn, bổ sung tài liệu giảng dạy, tài liệu tham khảo, tài liệu hướng dẫn một cách bài bản, chất lượng, đồng bộ và kịp thời ở cả phạm vi vĩ mô và vi mô theo phương châm phối hợp tốt giữa các cơ quan thông tin KHCN các ngành, các cấp thông qua những cơ quan đầu mối; tận dụng nhiều nguồn kinh phí, trong đó, nguồn kinh phí nhà nước vẫn phải là chủ đạo.

- Gắn chặt công tác nghiên cứu khoa học, công tác tiêu chuẩn hóa với công tác đào tạo ở mỗi cấp, mỗi ngành,

mỗi địa phương, mỗi cơ quan; Tăng cường sinh hoạt khoa học, trao đổi kinh nghiệm nghề nghiệp thông qua hình thức hội nghị, hội thảo chuyên đề, trao đổi tài liệu kết quả nghiên cứu, tham quan khảo sát trong và ngoài nước.

- Đẩy nhanh việc tạo lập công cụ đào tạo từ xa nhằm giúp cán bộ thông tin có thể thường xuyên cập nhật kiến thức mới và tự nâng cao trình độ qua các mạng trao đổi trên Internet. Điều quan trọng ở đây không phải là tạo lập các mạng tin học hóa mà là thông qua các mạng đó cung cấp thường xuyên nội dung đào tạo, nhất là kiến thức mới, phương pháp đào tạo cũng như kinh nghiệm thực tiễn cho đội ngũ cán bộ thông tin KHCN trong toàn Hệ thống. Bởi vì, cho đến nay có thể nói rằng: bất kỳ ai, nếu muốn tự nâng cao trình độ về nghiệp vụ thông tin KHCN thì chỉ có thể truy cập, tìm và tham khảo các Websites tiếng nước ngoài, còn trên các Website tiếng Việt thì gần như là không có thông tin về vấn đề này.

IV. Thay cho lời kết

Trong giai đoạn hiện nay, chúng ta không thể không nhắc đến 3 văn bản đang được nhiều người đặc biệt quan tâm và tác động mạnh đến toàn ngành khoa học và công nghệ trong việc đổi mới cơ chế hoạt động, đó là:

Thông tư số 10/2005/TT-BKHCN ngày 24/8/2005 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn điều kiện thành lập và đăng ký hoạt động của các tổ chức khoa học và công nghệ; Nghị định 115/2005/NĐ-CP ngày 5/9/2005 quy định cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các tổ chức khoa học và công nghệ công lập; Thông tư liên tịch số 12/2006/TTLT/BKHCN-BTC-BNV ngày 5/6/2006 Hướng dẫn thực hiện Nghị định số 115/2005/NĐ-CP nêu trên.

Ngoài ra, Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập và Thông tư 71/2006/TT-BTC của Bộ Tài chính (ngày 9/8/2006) về việc hướng dẫn thực hiện

Nghị định số 43/2006/NĐ-CP cũng là những văn bản rất cần được nghiên cứu để áp dụng.

Những văn bản mới này đề cập đến việc (gần như bắt buộc) chuyển đổi các tổ chức KHCN, trong đó có tổ chức thông tin KHCN, sang hoạt động theo cơ chế doanh nghiệp hoặc tự trang trải trong tiến trình từ nay đến 2009. Đó là những thách thức rất lớn nhưng cũng là những thời cơ để các tổ chức thông tin KHCN tự khẳng định mình có thể đứng vững và tiếp tục phát triển. Rõ ràng rằng, muốn thực hiện thành công “lộ trình” chuyển đổi này, ngay từ bây giờ, mỗi cơ quan thông tin KHCN đều phải đặc biệt chú ý đến việc cải tiến hệ thống sản phẩm và dịch vụ của mình với phương châm “năng suất, chất lượng và hiệu quả” mà thước đo là

thị trường, là nguồn thu lợi nhuận có được từ sản phẩm, dịch vụ, là sự đánh giá từ phía người dùng tin (cá nhân, tập thể). Để thực hiện được phương châm này cơ quan thông tin KHCN cần đổi mới nhiều hoạt động, trong đó cơ chế làm việc và sự hài hòa lợi ích giữa cá nhân, tập thể và Nhà nước là vấn đề xuyên suốt và yếu tố con người luôn giữ vai trò chủ đạo: thành công hay thất bại.

Riêng về việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ thông tin KHCN, ít nhất là cho các cơ quan công lập, chắc chắn rằng trong một thời gian dài nữa Nhà nước vẫn sẽ phải giữ vai trò “Bà đỡ” tuy mức độ đầu tư trong từng giai đoạn, từng nơi, từng lúc, từng khu vực có thể khác nhau.

Tài liệu tham khảo

1. Luật Khoa học và Công nghệ.- Hà Nội, NXB Chính trị Quốc gia, 2000.
2. Nghị định 159/2004/NĐ-CP ngày 31/8/2004 về hoạt động thông tin KHCN.
3. Nghị định 115/2005/NĐ-CP ngày 5/9/2005 của Chính phủ về cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các tổ chức KH&CN công lập.
4. Thông tư liên tịch số 12/2006/TTLT/BKHCN-BTC-BNV ngày 5/6/2006 Hướng dẫn thực hiện Nghị định số 115/2005/NĐ-CP.
5. Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 Quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập.
6. Thông tư 71/2006/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 9/8/2006 về việc hướng dẫn thực hiện Nghị định số 43/2006/NĐ-CP.
7. Tập Văn bản quy phạm pháp quy về công tác thông tin và tư liệu.-Hà Nội, 1997;
8. Chiến lược tăng cường công tác thông tin KHCN.-Bộ Khoa học Công nghệ và Môi trường/Trung tâm Thông tin KHCN Quốc gia, 1998;
9. Nguyễn Tiến Đức. 45 năm hoạt động thông tin KHCN.-Tập chí Hoạt động khoa học/Bộ Khoa học và Công nghệ, 2004, số 4, tr.17-20.
10. Tạ Bá Hưng, Cao Minh Kiểm, Nguyễn Tiến Đức. Hoạt động thông tin KHCN ở Việt Nam: Hiện trạng và định hướng phát triển.-Kỷ yếu Hội nghị ngành Thông tin KHCN lần thứ V .- Hà Nội , 11/2005, tr. 3-14.